

Bản án số: 95/2020/DS-ST

Ngày: 26 – 10 - 2020

V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HIỆP HOÀ, TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Văn Chúc

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trương Đức Lâm - Ông Lê Thanh Miện

Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Văn Nam - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hiệp Hoà, tỉnh Bắc Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hiệp Hoà tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Hồng Hạnh - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 10 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hiệp Hoà, tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 94/2020/TLST - DS ngày 28 tháng 4 năm 2020 về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 86/2020/QĐXXST- DS ngày 07 tháng 9 năm 2020; Quyết định hoãn phiên tòa số 132/2020/QĐST- DS ngày 22 tháng 9 năm 2020; Quyết định hoãn phiên tòa số 139/2020/QDDST – DS ngày 08/10/2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Dương Thị P, sinh năm 1963 – vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt

Cùng địa chỉ: xóm Đ, thôn TN, xã HT, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang

- Bị đơn: Bà Vũ Thị N, sinh năm 1974 – vắng mặt

Địa chỉ: xóm P, thôn TN, xã HT, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

- Ông Dương Công B, sinh năm 1964 - ủy quyền cho nguyên đơn bà Dương Thị P tham gia tố tụng.

Địa chỉ: xóm Đ, thôn TN, xã HT, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang

- Ông Nguyễn Thế T, sinh năm 1967 – vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt.

Địa chỉ: xóm P, thôn TN, xã HT, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và các lời khai tiếp theo, nguyên đơn bà Dương Thị P, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Dương Công B do bà P đại diện theo ủy quyền thống nhất trình bày:

Chị Vũ Thị N là Chủ tịch hội liên hiệp phụ nữ xã HT có vay tiền của bà với mục đích là để cho con trai đi nước ngoài và để đổi sổ ngân hàng. Ngày 09/6/2019 (âm lịch) bà có cho chị Vũ Thị N vay số tiền là 500 triệu đồng hẹn đến ngày 22/6/2019 chị sẽ trả. Ngày 17/6/2019 (âm lịch) bà cho chị N vay số tiền là 200 triệu đồng, khi vay chị N hẹn đến ngày 23/6/2019 (âm lịch) sẽ trả. Tuy nhiên từ đó đến nay, chị N không trả cho bà được bất kỳ khoản tiền nào. Nay bà yêu cầu Tòa án buộc vợ chồng chị N, ông T phải trả cho vợ chồng chị số tiền là 700 triệu đồng. Ngoài ra bà không có yêu cầu gì khác.

Bị đơn chị Vũ Thị N không có bản tự khai, Tòa án đã có giấy triệu tập nhưng chị N không đến Tòa án làm việc nên không có lời khai chính thức của chị N.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Thế T trình bày:

Vợ anh là chị Vũ Thị N trước đây làm Chủ tịch hội phụ nữ xã HT có vay tiền của bà Dương Thị P. Việc vay tiền giữa vợ anh và bà P như thế nào anh không được biết vì anh không trực tiếp vay, chị N vay tiền cũng không nói cho anh biết. Khoản vay của bà P cũng không được vợ anh dùng vào việc phát triển kinh tế gia đình vì nhà anh không làm kinh tế gì mà phải dùng số tiền lớn như vậy.

Tại phiên tòa các đương sự đều vắng mặt.

Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hiệp Hoà tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đảm bảo đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Đối với những người tham gia tố tụng: nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định của pháp luật, bị đơn không đến tham gia phiên tòa là thể hiện việc chấp hành pháp luật chưa tốt.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu khởi kiện của bà P buộc bà N, ông T phải trả cho vợ chồng bà P số tiền gốc 700 triệu đồng như bà P yêu cầu.

Án phí: chị N, ông T phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu hồ sơ vụ án và thẩm tra chứng cứ tại phiên tòa, sau khi nghị án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết, thủ tục tố tụng: Bà P khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc vợ chồng chị Vũ Thị N, anh Nguyễn Thế T (có nơi cư trú tại thôn TN , xã HT, huyện Hiệp Hoà, tỉnh Bắc Giang trả bà số tiền gốc đã vay. Tòa án nhân dân huyện Hiệp Hoà đã thụ lý giải vụ án tranh chấp hợp đồng vay tài sản là đúng pháp luật, đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa, chị N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do chính đáng, anh T, bà P có đơn xin xét xử vắng mặt căn cứ

khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử xét xử vắng mặt Chị N, anh T, bà P, ông Bình.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, HĐXX thấy: Tại bút lục số 67, 69 là giấy vay tiền gốc do bà P giao nộp cho Tòa án thể hiện chị Vũ Thị N vay tiền của bà P hai lần, lần thứ nhất chị Vũ Thị N vay số tiền là 500 triệu đồng vào ngày 09/6/2019 (âm lịch) thời hạn vay là đến ngày 22/6/2019 (âm lịch), lần thứ hai chị N vay số tiền là 200 triệu vào ngày 17/6/2019 (âm lịch) thời hạn vay đến ngày 23/6/2019 (âm lịch). Đến nay, chị N vẫn chưa trả được cho bà P số tiền vay là vi phạm nghĩa vụ quy định tại khoản 1 Điều 466 Bộ luật dân sự 2015; Căn cứ quy định tại Điều 352, Điều 357; Điều 466; Điều 468 Bộ luật dân sự 2015 chị N phải có trách nhiệm trả tiền gốc cho bà P. Do vậy, bà P khởi kiện yêu cầu chị N phải trả 700 triệu đồng tiền gốc là có căn cứ cần được chấp nhận. Bà P yêu cầu vợ chồng chị N, anh T phải trả cho vợ chồng bà số tiền vay, HĐXX thấy đây là tài sản lớn, bà P, ông Bình xác định là tài sản chung của vợ chồng, trong giấy vay tiền mặc dù chỉ có chị N và bà P ký với nhau nhưng cần buộc chị N là bên có trách nhiệm phải trả cho cả vợ chồng ông Bình, bà P số tiền đã vay. Anh T không biết việc chị N vay tiền của bà P, trong giấy vay tiền cũng không nói đến mục đích vay tiền, chị N không dùng số tiền vay vào phát triển kinh tế gia đình. Chị N vay của nhiều người, là bị đơn trong nhiều vụ án tại Tòa án nhân dân huyện Hiệp Hòa. Do vậy, HĐXX thấy không có căn cứ để xác định chị N dùng số tiền này vào phát triển kinh tế gia đình. Do vậy, HĐXX chỉ chấp nhận yêu cầu của bà P, ông Bình buộc chị N phải trả bà P, ông Bình số tiền gốc là 700 triệu đồng.

[3] Về án phí: Chị N không thuộc đối tượng được miễn tiền tạm ứng án phí nên phải chịu án phí dân sự có giá ngạch theo quy định của pháp luật. Số tiền chị N phải trả cho ông Bình, bà P là 700 triệu đồng nên số tiền án phí chị N phải chịu là $20.000.000 + (300.000.000 \text{ đồng} \times 4\%) = 32.000.000 \text{ đồng}$. Bà P không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả bà P tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 146; khoản 4 Điều 147; khoản 2 Điều 227; khoản 2 Điều 244; Điều 271; khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Điều 352; Điều 357; Điều 466; Điều 468; Điều 469; Điều 470 Bộ luật dân sự 2015

Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Dương Thị P. Xử:

1. Buộc chị Vũ Thị N phải trả cho ông Dương Công B, bà Dương Thị P số tiền 700.000.000.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu

cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2- Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 - Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 - Luật thi hành án dân sự.

2. Về án phí: chị Vũ Thị N phải chịu 32.000.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm. Bà Dương Thị P không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả bà P 16.000.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu số AA/2018/0003691 ngày 28/4/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang.

4. Về quyền kháng cáo: Dương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày được tổng đạt án hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện Hiệp Hoà;
- CCTHADS huyện Hiệp Hoà;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA – VP .

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

(đã ký)

Đặng Văn Chúc